

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HSST

Ngày: 17-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm M1 Hiếu.

Bà Huỳnh Thị Khánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG: Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện CG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST - HS ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thanh S**, sinh năm: 1995.

Nơi thường trú: Khu phố 4, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh L; Nơi tạm trú: ấp Tân Hòa, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Thanh và bà Nguyễn Thị R; Bản thân có vợ tên Võ Thị Thanh Thủy, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án – tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 149/2012/HSPT ngày 06/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh L, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2013 đã xóa án tích. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Phạm Thanh Qu**, sinh năm: 1994.

Nơi thường trú: ấp Tân Đông, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Lượm (đã chết) và bà Đặng Thị Ph; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Thu Thảo (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2018; Tiền án – tiền sự: không; Nhân thân: ngày 08/11/2011 bị Công an xã Tân Tập, huyện CG, xử

phạt hành chính số tiền 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 07/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện CG đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Trần Ngọc M1, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 3, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Đặng Thị Ph, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Tân Đông, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L.

2/ Nguyễn Thị R, sinh năm: 1963 (có mặt).

Cư trú: ấp Tân Hòa, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết đầm nuôi tôm của anh Trần Ngọc M1 thuộc ấp Tân Đông, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L không nuôi tôm đã lâu và không có người trông coi nên Lê Thanh S rủ Phạm Thanh Qu đi trộm các máy dầu để tại đầm tôm của anh M1 bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, Qu đồng ý. Đến khoảng 18 giờ ngày 22/6/2022, S điều khiển xe mô tô loại Dream biển số 60B9-026.78 và Qu điều khiển xe Vision biển số 62M1-762.41 cùng đi từ nhà của mình đến đầu đường ấp văn hóa Tân Đông, xã Tân Tập rồi đậu xe mô tô ở cặp lề đường tỉnh 830. Sau đó, cả hai đi bộ vào đầm tôm, S vào bên trong căn chòi của anh M1 lấy 01 (một) cái mỏ lết rồi cả hai thay nhau tháo ốc chân máy và khiêng 04 (bốn) máy dầu gồm: 02 máy dầu hiệu Mitsubishi, 01 máy dầu hiệu SS70 và 01 máy dầu hiệu SS80 đến bãi đất trống cách đầm nuôi tôm khoảng 200m cất giấu. Qua truy xét, Công an xã Tân Tập, huyện CG mời S và Qu làm việc. Tại cơ quan Công an cả hai đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 50/KLĐG ngày 12/7/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện CG kết luận: 02 (Hai) máy dầu hiệu Mitsumitshi (Mitsubishi), trị giá 2.166.000 đồng; 01 (Một) máy dầu hiệu SS70, trị giá 783.000 đồng; 01 (Một) máy dầu hiệu SS80, trị giá 900.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản tRn là 3.849.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKSCG ngày 10/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CG truy tố hai bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Thanh S từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Thanh Qu từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: bị hại Trần Ngọc M1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đặng Thị Phv và Nguyễn Thị R đã nhận lại 02 xe mô tô, không yêu cầu. Nên đề nghị không xem xét

Hai bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Hai bị cáo nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

TRn cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 18 giờ 10 phút ngày 22/6/2022, tại đầm nuôi tôm của anh Trần Ngọc M1 ở ấp Tân Đông, xã Tân Tập, huyện CG, Lê Thanh S rủ Phạm Thanh Qu và thống nhất ý chí cùng nhau lén lút lấy trộm 04 máy dầu để trong căn chòi không người trông coi của anh M1. Theo Kết luận định giá tài sản số: 50/KLĐG ngày 12/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện CG, kết luận: tài sản bị chiếm đoạt trị giá 3.849.000 đồng. Giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt tRn 2.000.000 đồng và dưới

50.000.000 đồng. Hành vi tRn của hai bị cáo cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc hai bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội tuy có bàn bạc, nhưng không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp định khung hình phạt là phạm tội có tổ chức.

[3] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Qu phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra tài sản đã thu hồi hoàn trả cho người bị hại, người bị hại cũng đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hiện là lao động chính, nên hai bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo khi lượng hình: về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo S và Qu trong vụ án là như nhau đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo S là người rủ R. Nên hình phạt dành cho bị cáo S cao hơn bị cáo Qu.

[7] Xét thấy: đối với bị cáo S theo Bản án số 149/2012/HSPT ngày 06/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh L, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “*Cướp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2013 đã xóa án tích, phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Qu ngày 08/11/2011 bị Công an xã Tân Tập, huyện CG, xử phạt hành chính số tiền 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 07/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện CG đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội (22/6/2022) đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, phạm tội không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự và có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cả hai bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, được sửa đổi bổ sung theo nội dung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì xét thấy không cần cách ly, cho hưởng án treo hai bị cáo cũng có thể tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và việc cho hưởng án treo đối với hai bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xét thấy hai bị cáo làm thuê, công việc không ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[9] Về tang vật thu giữ: quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT tạm giữ và hoàn trả cho bị hại anh Trần Ngọc M1: 02 máy dầu hiệu Mitsubishi, 01 máy dầu hiệu SS70; 01 máy dầu hiệu SS80 và 01 (Một) mỏ lết, do là tài sản hợp pháp của anh M1, là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 62M1-762.41 do Phạm Thanh Qu giao nộp, qua xác M1 xe là tài sản của bà Đặng Thị Ph(mẹ bị cáo Qu) và 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu CACM (kiểu dáng xe Honda Dream) biển số 60B9-026.78 do Lê Thanh S giao nộp, qua điều tra do anh Thái Quang Tý, sinh năm 1986, cư trú Ấp 5, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đứng tên, nhưng anh Tý đã bán xe từ 05 năm trước, qua xác M1 thì bà Nguyễn Thị R (là mẹ bị cáo S) là chủ sở hữu. Việc bị cáo Qu và S sử dụng hai xe mô tô để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà Ph và bà R không biết, nên Cơ quan CSĐT đã trao trả lại cho bà Ph, bà R là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: hiện bị hại Trần Ngọc M1 đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa anh M1 vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện anh M1 không có yêu cầu (*bút lục số 105 và 106*), nên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đặng Thị Ph vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện không có yêu cầu (*bút lục số 123*) và Nguyễn Thị R tại phiên tòa cũng không có yêu cầu, do cả hai đã nhận lại 02 xe mô tô, nên không xem xét.

[11] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ tRn;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S và Phạm Thanh Qu cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thanh S 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2023).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Thanh Qu 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2023).

Giao hai bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: bị cáo S và Qu, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh L;
-VKSND huyện CG;
-CA huyện CG;
-THADS huyện CG;
-Bị cáo; đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CG, ngày 17 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 17 tháng 02 năm 2023.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh L.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm M1 Hiếu.

Bà Huỳnh Thị Khánh Linh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS, ngày 11/01/2023 đối với bị cáo: Lê Thanh S và Phạm Thanh Qu.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Bị cáo Lê Thanh S và Phạm Thanh Qu phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Đối với bị cáo S: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Qu: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Lê Thanh S 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2023).

Xử phạt: Phạm Thanh Qu 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2023).

Giao hai bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh L giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: bị cáo S và Qu, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

PHẠM M1 HIẾU – HUỲNH THỊ KHÁNH LINH

NGUYỄN ĐỨC BẢO

